

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **206/2022/DS-ST**;
- Ngày: 13/6/2022
- V/v: Tranh chấp
hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: **Lê Anh Chiến**
 2. Ông: **Đoàn Thanh Phong**
- *Thư ký phiên tòa:* bà **Nguyễn Dương Kim Cương** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa:*

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền: Trương Thị Thanh B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đường M1, Phường N, Thành phố Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

1/ Trần Quốc C, sinh năm 1983.

2/ Nguyễn Thị Ánh D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp M2, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B có mặt; anh C và chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Nguyễn Văn A trình bày cũng như qua hòa giải và tại phiên tòa, chị Trương Thị Thanh B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: anh A làm thảo hui, chị D và anh C có tham gia*

góp hụi do anh A làm đầu thảo, cụ thể:

- Dây thứ nhất: hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 20/8/2018 âm lịch, gồm 27 phần, chị D và anh C tham gia 03 phần và đã hót hụi vào kỳ thứ 1, 2 và 3 nhưng không đóng lại hụi chết đầy đủ.

- Dây thứ hai: hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai hụi ngày 15/7/2019 âm lịch, gồm 25 phần, chị D và anh C tham gia 02 phần và đã hót hụi vào kỳ thứ 1 và kỳ thứ 3 nhưng chị D và anh C không đóng hụi chết đầy đủ.

Ngày 15/02/2020 âm lịch, các bên tổng kết nợ, anh C và chị D còn nợ số tiền 91.500.000 đồng, anh C có viết giấy nợ và hứa mỗi tháng trả 500.000 đồng và đến ngày 18/4/2021, anh C trả được số tiền 5.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay mặc dù anh A đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay anh A khởi kiện yêu cầu anh C, chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh A số tiền hụi còn thiếu là 86.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai và qua hòa giải, bị đơn Nguyễn Thị Ánh D trình bày:* Chị đồng ý có tham gia góp hụi do anh A làm thảo hụi và đồng ý còn nợ số tiền hụi mà anh A khởi kiện. Chị đồng ý và cùng anh C chồng chị trả số nợ này cho anh A và xin trả mỗi tháng 200.000 đồng vì kinh tế gia đình khó khăn, không khả năng trả một lần.

** Bị đơn Trần Quốc C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trần A C, chị Nguyễn Thị Ánh D được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh, chị vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh C, chị D.

[2] Anh A khởi kiện yêu cầu chị D và anh C trả số tiền hụi còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, phía anh A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc chị D và anh C liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 86.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh A cung cấp cho Tòa án các bản chính: danh sách hụi viên ngày 20.8.2018 âm lịch, danh sách hụi viên ngày 15/07/2019 âm lịch, Giấy tổng kết nợ và trả nợ hàng tháng có chữ ký và chữ viết của anh C. Anh C được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để trình bày ý kiến về việc anh A khởi kiện và tham gia tố tụng trong vụ án nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của anh A và vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng là từ bỏ quyền chứng minh về việc anh không tham gia góp hụi của anh A nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chứng minh này. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, chị D thống nhất chị và anh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh A số nợ này; trong giấy viết tay trả nợ hàng tháng cho anh A thì anh C là người thực hiện việc trả nợ hàng tháng cho anh A, anh C có ký tên và trả được tổng cộng 5.500.000 đồng. Bên cạnh đó, chị D cũng trình bày tiền hốt hụi dùng để sinh hoạt trong gia đình, con cái đi học là phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh C biết và có tham gia góp hụi nên có trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong việc trả nợ cho anh A theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa chị D, anh C với anh A có xác lập giao dịch góp hụi với nhau, chị D, anh C đã hốt hụi và còn nợ lại anh A số tiền hụi chết 86.000.000 đồng là phù hợp với thừa nhận của chị D và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, buộc chị D, anh C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh A số tiền hụi còn nợ là 86.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: anh A không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả tiền: anh A yêu cầu trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình hòa giải, chị D xin trả mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện còn nợ nhiều người, kinh tế gia đình khó khăn.

Xét thấy, trong quá trình góp hụi, chị D, anh C hốt hụi, anh A giao tiền hụi đầy đủ cho anh, chị nhưng chị D, anh C không đóng hụi chết đầy đủ cho anh A là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường. Hơn nữa số nợ lớn, nếu để kéo dài sẽ gây thiệt thòi cho quyền, lợi ích của anh A nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh A buộc chị D, anh C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh A được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh A có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh C và chị D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 16, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A**

1. Chị Nguyễn Thị Ánh D và anh Trần A C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn A số tiền hội 86.000.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi anh Nguyễn Văn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Ánh D và anh Trần A C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ánh D và anh Trần A C liên đới chịu 4.300.000 đồng án phí.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn A số tiền 2.150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005353 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh A có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh C và chị D thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài